

Số: /2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Du lịch số 09/2017/QH14; Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15; Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15, Luật Phòng thủ dân sự số 30/2023/QH15; Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày..... tháng .....năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

## **Điều 2. Mức thu và chế độ thu, nộp phí**

### **1. Nội dung, mức thu phí:**

| <b>STT</b> | <b>Nội dung thu phí</b>                              | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Mức thu (Đồng)</b> |
|------------|------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| (1)        | (2)                                                  | (3)                | (4)                   |
| 1          | Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường   | Đồng/hồ sơ         | 21.000.000            |
| 2          | Phí thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường       | Đồng/hồ sơ         | 18.000.000            |
| 3          | Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường    | Đồng/hồ sơ         | 3.000.000             |
| 4          | Phí thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường | Đồng/hồ sơ         | 21.000.000            |

*Ghi chú:* Mức phí trên tính theo lần thẩm định và không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải phục vụ thẩm định cấp giấy phép môi trường (Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép môi trường chỉ trả kinh phí trưng cầu đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải (nếu có) cho đơn vị quan trắc môi trường phục vụ thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

2. Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Cơ quan tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang.

### **Điều 3. Quản lý và sử dụng phí**

1. Quản lý phí: Cơ quan tổ chức thu phí được trích để lại 80% trên tổng số tiền thu được để chi cho công tác thu phí, số thu 20% còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Sử dụng số tiền phí để lại: Số tiền phí để lại cho cơ quan tổ chức thu phí được chi cho các nội dung sau:

- Chi thuê phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thẩm định trong trường hợp cơ quan thẩm định không có hoặc không đủ để phục vụ công tác thẩm định;
- Chi phí thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú khi đi công tác phục vụ thẩm định cho các thành viên Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra thẩm định, đại biểu địa phương khác;
- Chi phí cho thành viên Hội đồng thẩm định, đại biểu tham dự họp thẩm định, hội thảo khoa học phục vụ thẩm định;
- Chi cho bài viết nhận xét của thành viên Hội đồng thẩm định, cơ quan, tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học được lấy ý kiến tham gia thẩm định;
- Chi thanh toán cho cá nhân trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (*trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định*);
- Chi phí in biên lai thu phí, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;
- Chi khác (*nếu có*) theo quy định.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng .... năm 2025.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

c) Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 2 về nội dung thu và mức thu tại Phụ lục ban hành kèm theo nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 22/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động

môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 06 Mục I Phụ lục III, số thứ tự 04 và số thứ tự 11 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, Kỳ họp lần thứ ..... thông qua ngày    tháng    năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
  - Chính phủ;
  - Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
  - Vụ Pháp chế Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường
  - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Ủy ban nhân dân tỉnh;
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh
- và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
  - Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
  - UBND các xã, phường;
  - Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
  - Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang (đăng tải);
  - Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh Tuyên Quang (đăng tải);
  - Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
  - Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**